

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **13/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 24 – 8 -2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn N Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Xuân Thuần

2. Ông Võ Đông Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX - ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1983 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Thanh P, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Bà Hoàng Thị N và ông Ngô Thanh P sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện P (cũ), tỉnh Bình Phước; nay là Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P, tỉnh Bình

Phước và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 18/10/2003. Sau khi bà N và ông P chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì cuộc sống hôn nhân phát sinh những mâu thuẫn không thể giải quyết được, đó là do tính cách của ông P rất gia trưởng, độc quyền, luôn quyết định mọi việc lớn nhỏ trong gia đình nên bà N cảm thấy bản thân bà N không được chồng tôn trọng, không những vậy ông P còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc bà N và các con nữa. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, bà N đã cố gắng nhẫn nhịn nhiều năm qua, cũng như nhiều lần tìm cách nói chuyện, khuyên nhủ ông P để mong tìm được tiếng nói chung giữa vợ chồng nhưng thực tế đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể dung hòa. Nay bà N nhận thấy bản thân bà N không còn tình cảm với ông P nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Ngô Thanh P

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông P có 02 người con chung là Ngô Hoàng Kim N, sinh ngày 28/7/2004 và Ngô Hoàng Thanh P, sinh ngày 16/11/2010. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu P thành niên đủ 18 tuổi, giao cháu N cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên đủ 18 tuổi.

Tại đơn khởi kiện, bà N có yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; tuy nhiên tại phiên tòa, bà N rút yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà N và ông P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Thanh P được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị N: Bà N được ly hôn với ông Ngô Thanh P; giao con chung Ngô Hoàng Thanh P cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi P thành niên đủ 18 tuổi, giao con chung Ngô Hoàng Kim N cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi N thành niên đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Ngô Thanh P họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Ngô Thanh P kết hôn với nhau vào ngày 18/10/2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện P (cũ), tỉnh Bình Phước; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N, ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung khiến vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi bà N và ông P chung sống thì do vài năm gần đây, ông P có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đã có con riêng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị N là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình xử cho bà N được ly hôn ông Ngô Thanh P.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông P có 02 người con chung là Ngô Hoàng Kim N, sinh ngày 28/7/2004 và Ngô Hoàng Thanh P, sinh ngày

16/11/2010. Theo nguyện vọng của 02 con chung là cháu N muốn được ở với cha và cháu P muốn được ở với mẹ, đồng thời xét thực tế nếu giao cho mỗi người nuôi một con chung sẽ đảm bảo tốt hơn cho việc chăm sóc con. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc: bà N được trực tiếp nuôi dưỡng P cho đến khi P thành niên đủ 18 tuổi; giao cháu N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi N thành niên đủ 18 tuổi.

Do nguyên đơn rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bà N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị N được ly hôn với ông Ngô Thanh P.

[2] *Về con chung:* Giao con chung Ngô Hoàng Kim N, sinh ngày 28/7/2004 cho ông Ngô Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Giao con chung Ngô Hoàng Thanh P, sinh ngày 16/11/2010 cho bà Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Bà N và ông P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N và ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn - Bà Hoàng Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0005934 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn - Ông Ngô Thanh P không phải chịu án phí.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 24/8/2018, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo